

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2025/DS-PT

Ngày 22-8-2025

V/v tranh chấp về đòi tài sản là
quyền sử dụng đất và bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tân

Ông Phạm Anh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2025/TLDS-PT ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về đòi tài sản là quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 115/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2025/QĐPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V (nay là Đ, thôn H, xã V), thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1956 và vợ là bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V (nay là Đ, thôn H, xã V), thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H; có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Viết H2, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V (nay là Đ, thôn H, xã V), thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà D, đường số E, tổ dân phố T, phường N, quận Đ (nay là phường N), thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V (nay là Thôn Đ, xã V), thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

4. Ông Nguyễn Viết D1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V (nay là Đ, thôn H, xã V) thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Viết H2, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Viết D1: Ông Nguyễn Viết H, sinh ngày 05/5/1965; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V (nay là Đ, thôn H, xã V), thành phố Hải Phòng - Là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 27/02/2025, 10/3/2025, 27/3/2025); có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo bản án dân sự sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:*

- Nguyên đơn là ông Nguyễn Viết H đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: ông Nguyễn Viết H2, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Viết D1 trình bày: Bố mẹ các ông bà là cụ Nguyễn Viết D2, chết năm 2009 và Trần Thị T1, chết năm 2001 có 05 người con đẻ là Nguyễn Viết H2, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Viết H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Viết D1. Cụ D2 và bà T1 không có con riêng, con nuôi, con nhận và cha mẹ nuôi. Cha mẹ đẻ của cụ D2 và cụ T1 đều đã chết trước năm 2001. Trước đây, cụ D2 và cụ T1 có diện tích 358m² đất thổ cư tại thửa số 08, tờ bản đồ số 07, thôn H, xã T, huyện V, (nay là Đ, thôn H, xã V), thành phố Hải Phòng và sinh sống tại đây. Năm 1991, do cụ D2 bất đồng với nhà hàng xóm là ông R nên có ý định cho vợ chồng ông N ở nhờ 100m² đất nằm trong tổng số 358m² đất cạnh nhà ông R để ngăn cách tránh va chạm. Cụ D2 và vợ chồng ông N đã viết đơn trình ra Uỷ ban nhân dân (viết tắt UBND) xã về việc cho đất nhưng vì vợ chồng ông N không đủ tiêu chuẩn nhận đất ở nên UBND xã trả lại đơn. Sau đó, ông N bà D chặt cây cối, làm nhà trên 100m² đất này. Cụ D2 đã có đơn ra xã đòi lại 100m² đất, ông N bà D công nhận ở nhờ trên đất nhưng không trả lại đất. Năm 1997, ông N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ). Cụ D2 có đơn nên UBND huyện V đã thu hồi GCNQSDĐ của ông N. Năm 2011, ông H có đơn tranh chấp đất đai với ông N bà D đến UBND xã T hoà giải nhưng không thành. Hiện nay, ông N bà D đang quản lý sử dụng 100m² đất tại thửa số 07 (trước đây là thửa số 08), tờ bản đồ 15, địa chỉ thửa đất thôn H, xã T, huyện V (nay là Đ, thôn H, xã V), thành phố Hải Phòng. Đây là đất của cha mẹ ông H cho ông N bà D ở nhờ. Trước khi cha mẹ ông H chết đã cho ông H, có sự chứng kiến của cả 05 người con cụ D2 và cụ T1. 05 người con của cụ D2 và cụ T1 đều đồng ý 100m² đất này là của ông

H. Ông H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông N trả lại đất nhưng không được. Nay, ông H khởi kiện đề nghị Toà án buộc ông N bà D phải trả lại cho ông H diện tích 100m² đất thổ cư (đo thực tế là 97,3m²) tại thửa số 07 (trước đây là thửa số 08), tờ bản đồ 15, địa chỉ thửa đất thôn H, xã T, huyện V (nay là Đ, thôn H, xã V), thành phố Hải Phòng, phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất và bồi thường 33 năm ông H không trồng trọt chăn nuôi được với mức 2.000.000 đồng/năm, tổng là 66.000.000 đồng. Ông H2, bà H3, bà T, ông D1 đều thống nhất với quan điểm của nguyên đơn và đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn N và vợ là bà Nguyễn Thị D cùng thống nhất trình bày: Ngày 01/7/1991, ông N và vợ là bà D đã nhận chuyển nhượng thửa đất của cụ D2 để làm nhà ở với số tiền là 900.000 đồng, diện tích 100m² đất ở tại thửa số 07 (trước đây là thửa số 08), tờ bản đồ 15, địa chỉ thửa đất thôn H, xã T, huyện V (nay là Đ, thôn H, xã V), thành phố Hải Phòng. Khi mua, bán đất, cụ D2 đã viết và ký giấy chuyển nhượng đất, giấy nhận tiền. Vợ chồng ông N đã trả đủ tiền và nhận đất để sử dụng. Từ năm 1991 đến năm 1997, gia đình ông N đã 02 lần làm nhà kiên cố, vợ chồng cụ D2 và các con ở ngay bên sát cạnh đều biết nhưng không ai có ý kiến hoặc phản đối gì. Theo thoả thuận, cụ D2 có trách nhiệm làm thủ tục sang tên cho ông N bà D. Tháng 2/1992, cụ D2 đến UBND xã làm nhưng lại không nộp lệ phí nên xã không đồng ý. Tháng 9/1997, ông N làm đơn xin chuyển nhượng và trình giấy viết tay của cụ D2 (năm 1991) lên UBND xã T và nộp các khoản thuế, lệ phí chuyển nhượng theo quy định nên được UBND xã chấp nhận làm thủ tục. Năm 1995, UBND xã T cử đoàn đo đạc bóc tách ra làm 02 hộ theo đề nghị của 02 gia đình. Hộ gia đình ông N là tờ bản đồ số 15, số thửa 07, diện tích là 101m² trích đo bình đồ hiện trạng thửa đất số 630 lập năm 1994. Hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ gồm đơn xin nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông N, đơn xin nhượng đất ở của cụ D2 năm 1991, trích đo bình đồ hiện trạng thửa đất số 630, tờ bản đồ số 15, thửa số 07, diện tích 101m² mang tên Nguyễn Văn N, phiếu thu ngân sách số 142 ngày 16/9/1997 nộp lệ phí chuyển tiền hoa lợi đất là 120.000 đồng. Căn cứ đơn đề nghị của gia đình ông N và đơn chuyển quyền sử dụng đất của cụ D2 lập năm 1991, UBND huyện V đã cấp GCNQSDĐ cho ông N, số 452055 ngày 10/3/1998, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 796. Về phần đất của cụ D2 có trích đo số sổ 613, bản đồ số 15, thửa 08 diện tích 358m², cụ D2 đã xác nhận, không thể hiện phần 100m² đã bán cho ông N đang sử dụng. Từ năm 1991 đến năm 2011, Thanh tra huyện V xác minh trong xóm là cụ D2 không có tranh chấp với gia đình ông N. UBND xã T không nhận được đơn khiếu kiện từ con cháu cụ D2. Năm 1991, gia đình ông N làm nhà tạm để ở; năm 1993 làm công trình phụ và nhà ở cấp 4, đốt gạch ở sân để kinh doanh, gia đình và con cụ D2 không phản đối gì. Năm 2013, UBND huyện V ra kết luận thanh tra số 811 ngày 09/10/2013 về việc chuyển quyền sử dụng đất giữa ông N và cụ D2 là đúng, về đăng ký hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ thực hiện đúng quy định của luật đất đai. Nay, ông H đề nghị Toà án buộc ông N bà D phải trả lại cho ông H diện tích

100m² đất thổ cư (đo thực tế là 97,3m²) tại thửa số 07 (trước đây là thửa số 08), tờ bản đồ 15, địa chỉ thửa đất thôn H, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng, phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất và bồi thường 33 năm ông H không trồng trọt chăn nuôi được với mức 2.000.000 đồng/năm, tổng là 66.000.000 đồng thì ông N bà D không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông H.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7), thành phố Hải Phòng đã quyết định:*

Căn cứ vào các khoản 2, 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 158, 165, 166, 169, 170, 192, 194, 223, 500, 584 của Bộ luật Dân sự; các điều 4, 9, 10, 36, 134, 137, 195, 235, 236 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Viết H về việc buộc ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị D phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất và trả lại cho ông Nguyễn Viết H diện tích 97,3m² đất ở lâu dài tại thửa số 07 (trước đây là thửa số 08), tờ bản đồ 15, địa chỉ thửa đất thôn H, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng (có sơ đồ hiện trạng kèm theo, mốc 1,2,3,4,5,6,1); bồi thường số tiền tổng là 66.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày:

Trước đây, năm 1991 bố mẹ ông là cụ Nguyễn Viết D2 có viết giấy chuyển nhượng 100 m² đất trong thửa đất thổ cư tại thửa số 08, tờ bản đồ số 07, thôn H, xã T, huyện V, (nay là Đ, thôn H, xã V), thành phố Hải Phòng trong tổng số 358m² đất cạnh nhà ông R để ngăn cách tránh va chạm với ông R. Cụ D2 và vợ chồng ông N đã viết đơn trình ra Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã về việc cho đất nhưng vì vợ chồng ông N không đủ tiêu chuẩn nhận đất ở nên UBND xã trả lại đơn. Sau đó, cụ D2 cho ông N bà D ở nhờ và đồng ý cho chặt cây cối, làm nhà trên 100m² đất này. Số tiền ông N trả cho cụ D2 là tiền đền bù cây cối hoa màu không phải tiền bán đất. Thời điểm cụ D2 cho ông N ở nhờ ông H sống ở miền N, không ở nhà, sau này ông H nghe cụ D2 nói lại. Cụ D2 đã có đơn ra xã đòi lại 100m² đất, nhưng ông N bà D không trả lại đất. Năm 2009 cụ D2 chết. Năm 2011, ông H có đơn tranh chấp đất đai với ông N bà D. Ông H không rõ vì sao ông N được cấp GCNQSDĐ vì đây là đất của cha mẹ ông H cho ông N bà D ở nhờ. Trước khi cha mẹ ông H chết đã cho ông H, cả 05 người con cụ D2 và cụ T1 đều đồng ý 100m² đất này là của ông H. Nay, ông H yêu

cầu ông N bà D phải trả lại cho ông H diện tích 100m² đất thổ cư (đo thực tế là 97,3m²) và phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất và bồi thường 33 năm ông H không trồng trọt chăn nuôi được với mức 2.000.000 đồng/năm, tổng là 66.000.000 đồng. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Các bị đơn - ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị D: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên các quan điểm, ý kiến như đã trình bày và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm, ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng các quy định trong quá trình tiến hành tố tụng; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7), thành phố Hải Phòng. Đề nghị giải quyết về án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự về việc: “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng, tranh chấp đã được hoà giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7), thành phố Hải Phòng theo quy định tại các khoản 2 và 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án có kháng cáo hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

*** Về nội dung:** Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn:

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị D phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất và trả lại cho nguyên đơn

diện tích 97,3m² đất ở tại thửa số 07 (trước đây là thửa số 08), tờ bản đồ 15, địa chỉ thửa đất thôn H, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự thể hiện: Diện tích đất đang có tranh chấp có diện tích theo hiện trạng và các bên thống nhất đề nghị giải quyết là 97,3m² đất hiện do ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị D quản lý, sử dụng tại thửa số 07 (trước đây là thửa số 08), tờ bản đồ 15, địa chỉ thôn H, xã T, huyện V (nay là Đ, thôn H, xã V), thành phố Hải Phòng và tài sản trên đất là nhà ở 01 tầng, tường bao xây gạch chỉ, chuồng lợn và nhà vệ sinh, 01 cây nhãn.

[2.2] Nguồn gốc diện tích đất này theo xác minh tại UBND xã T, Văn phòng Đ chi nhánh huyện V, Kết luận thanh tra số 811/KL-UBND ngày 09/10/2013, Công văn số 1291/UBND-NNMT của UBND huyện V và tài liệu các đương sự cung cấp, thể hiện: Ngày 08/4/1991 và 01/7/1991 cụ D2 đã ký nhận số tiền là 900.000 đồng của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị D về tiền chuyển nhượng đất, có giấy nhận tiền, diện tích ghi khi chuyển nhượng là 100m² đất ở: Tại đơn xin chuyển nhượng đất ở ghi ngày 01/7/1991 và Đơn xin nhượng đất ở ghi ngày 02/2/1992 cụ D2 viết và ký”, nội dung có đoạn ghi: *“Gia đình tôi có diện tích đất ở là 336m² nay tôi xin nhượng lại cho bà Nguyễn Thị D 100m² để làm nhà ở”*; ngoài ra còn ghi vị trí đất và *“...bà D có nhận đền bù cây cối hoa màu và chuyển công trình phụ là 900.000 đồng... Tôi làm đơn này đề nghị Ủy ban nhân dân xã T xét duyệt cho gia đình tôi được nhượng 100m² cho bà D được quyền sở hữu làm nhà ở”*. Ông N đã nhận đất để sử dụng từ năm 1991 đến nay.

[2.3] Từ năm 1991 đến năm 1997, ông N, bà D đã 02 lần làm nhà ở, không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo các quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Cụ D2, cụ T1 khi còn sống và các con ở liền sát cạnh thửa đất này cũng không có ý kiến phản đối gì về việc ông N bà D sử dụng đất và xây dựng nhà cửa, công trình trên đất. Năm 1995, UBND xã T tiến hành đo đạc lập hồ sơ địa chính, diện tích thửa đất của cụ D2 và của hộ ông N, bà D đã được thống kê hiện trạng sử dụng, vào sổ sách quản lý đất đai như Sổ mục kê, bản đồ giải thửa của UBND xã T theo quy định. Tháng 2/1992, cụ D2 có làm thủ tục sang tên sử dụng đất cho ông N bà D nhưng UBND xã T không đồng ý do ông N đã có đất ở không đủ tiêu chuẩn để mua theo chủ trương thời kỳ đó và ông N chưa giải quyết xong việc ly hôn với vợ cũ. Tháng 9/1997, ông N làm đơn xin chuyển nhượng và xuất trình giấy viết tay của cụ D2 (năm 1991) lên UBND xã T và được UBND xã chấp nhận làm thủ tục đề nghị; ông N nộp lệ phí và được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số 452055 ngày 10/3/1998, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 796 đứng tên chủ sử dụng đất là ông N. Hiện nay, GCNQSDĐ vẫn đang có hiệu lực pháp luật, không có việc thu hồi GCNQSDĐ này như ông H trình bày.

[2.4] Ông H có trình bày khi còn sống cụ D2 đã có đơn yêu cầu trả lại đất với lý do là chỉ cho ông N ở nhờ, UBND xã, UBND huyện đã giải quyết và xác định là không có căn cứ do thực tế cụ D2 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông N và cụ D2 đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng từ năm 1991. Năm 2001 cụ T2 chết. Năm 2009 cụ D2 chết. Năm 2011 ông H tranh chấp đất và chính quyền đã hoà giải.

[2.5] Nay ông H trình bày là cụ D2 đã cho ông H diện tích đất này nhưng như đã nhận định, cụ D2 tặng cho ông H sau khi cụ D2 đã chuyển nhượng đất cho ông N, bà D và ông N, bà D đã trả tiền, nhận đất và sử dụng đất công khai, liên tục trong nhiều năm.

[2.6] Như vậy, diện tích đất ông H đang kiện đòi lại với lý do là cụ D2 chỉ cho ông N bà D ở nhờ nhưng không cung cấp được văn bản tài liệu chứng minh cho quan điểm của mình. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông N và bà D có quyền sử dụng diện tích 97,3m² đất ở tại thửa số 07 (trước đây là thửa số 08), tờ bản đồ 15, địa chỉ thửa đất thôn H, xã T, huyện V (nay là Đ, thôn H, xã V), thành phố Hải Phòng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện về việc đòi bồi thường thiệt hại:

Do xác định quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng của ông N bà D từ năm 1991 nên ông H yêu cầu ông N, bà D bồi thường 33 năm không trồng trọt chăn nuôi được với mức 2.000.000 đồng/năm, tổng cộng là 66.000.000 đồng là không có cơ sở. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7), thành phố Hải Phòng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng).

[6] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do không chấp nhận kháng cáo nên đáng lẽ nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên do nguyên đơn là người đủ 60 tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn - ông Nguyễn Viết H; giữ nguyên **bản án** dân sự sơ thẩm số: 17/2025/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7), thành phố Hải Phòng.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Viết H về việc buộc ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị D phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất và trả lại cho ông Nguyễn Viết H diện tích 97,3m² đất ở lâu dài tại thửa số 07 (trước đây là thửa số 08), tờ bản đồ 15, địa chỉ thửa đất thôn H, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng (có sơ đồ hiện trạng kèm theo, mốc 1,2,3,4,5,6,1) và bồi thường số tiền là 66.000.000 (sáu mươi sáu triệu) đồng.

3. Về án phí: Miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Viết H.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THA DS TP Hải Phòng;
- TAND khu vực 7 - Hải Phòng;
- Chi cục THA DS khu vực 7 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TKT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân Thúy

Gửi bưu điện

Người gửi: Nguyễn Ngọc A

Văn bản: Bản án Hiến Nam

Người nhận:

TAND khu vực 7 - Hải Phòng;

Địa chỉ: Đường B xã V, thành phố Hải Phòng

Mã vận đơn: RD184253327VN

- Chi cục THA DS khu vực 7 - Hải Phòng;

Địa chỉ: Khu Đ, xã V, thành phố Hải Phòng

Mã vận đơn: RD184253335VN

Bà Nguyễn Thị H1 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H;

Địa chỉ: A L, phường K, Hải Phòng

Mã vận đơn: RD184253313VN